

# ORAL HEALTH KNOWLEDGE, ATTITUDE, AND PRACTICES OF MOTHERS OF PRESCHOOL CHILDREN TO VISITED AT THAI NGUYEN GENERAL HOSPITAL

Duong Ngoc Anh<sup>1</sup>, Dang Thi Ngoc Anh<sup>1</sup>, Nguyen Thi Tu Ngoc<sup>1</sup>, Doan Thi Hue<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy - 284 Luong Ngoc Quyen Street, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam

Received: 12/12/2025

Revised: 22/01/2026; Accepted: 23/04/2026

## ABSTRACTS

**Objective:** Describe mothers' knowledge, attitudes, and practices on oral health care for preschool children visiting Thai Nguyen General Hospital.

**Material and Methods:** Cross-sectional descriptive study on 216 mothers with preschool children visiting Thai Nguyen General Hospital from March 2025 to September 2025, interviewed directly using a pre-designed questionnaire.

**Results:** Most mothers are in the age group of 26-35 years old, accounting for 66.2%, Kinh ethnic group accounts for 75.0%, mothers working as civil servants account for 46.3%. The rate of mothers with correct knowledge about oral care for children is 23.6%. The rate of mothers with good attitudes about oral care for children is 68.5%. The rate of mothers who practice proper oral care for their children is 42.6%.

**Conclusion:** Knowledge, attitudes and practices of mothers on oral health care for preschool children in our study are not high. Therefore, it is necessary to strengthen health education on oral hygiene in medical facilities and kindergartens. Provide clear instructions: time of brushing teeth, fluoride standards, time of first dental examination.

**Keywords:** Knowledge, attitudes, practices, oral care, children.

---

\*Corresponding author

**Email:** doanthihue@tnmc.edu.vn **Phone:** (+84) 916077450 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i4.4928

# Kiến thức, Thái độ, Thực hành của Bà mẹ về Chăm sóc Sức khỏe Răng Miệng ở Trẻ Lứa Tuổi Tiền Học Đường Đến Khám Tại Bệnh Viện Trung Ương Thái Nguyên

Dương Ngọc Anh<sup>1</sup>, Đặng Thị Ngọc Anh<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Tú Ngọc<sup>1</sup>, Đoàn Thị Huệ<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên - Số 284 đường Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ngày nhận bài: 12/12/2025

Ngày chỉnh sửa: 22/01/2026; Ngày duyệt đăng: 23/04/2026

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành của bà mẹ về chăm sóc sức khỏe răng miệng ở trẻ lứa tuổi tiền học đường đến khám tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2025.

**Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 216 bà mẹ có con lứa tuổi tiền học đường đến khám tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên trong thời gian từ tháng 3/2025 đến tháng 9/2025, được phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi đã được thiết kế sẵn.

**Kết quả:** Hầu hết bà mẹ nằm trong nhóm tuổi 26-35 tuổi chiếm 66,2%, dân tộc kinh chiếm 75,0%, mẹ làm nghề cán bộ công nhân viên chức chiếm 46,3%. Tỷ lệ kiến thức đúng của bà mẹ về chăm sóc răng miệng cho trẻ là 23,6%. Tỷ lệ bà mẹ có thái độ tốt về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 68,5%. Tỷ lệ bà mẹ thực hành đúng về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 42,6%.

**Kết luận:** Kiến thức, thái độ và thực hành của các bà mẹ về chăm sóc sức khỏe răng miệng ở trẻ em lứa tuổi tiền học đường trong nghiên cứu của chúng tôi chưa cao. Như vậy cần tăng cường giáo dục sức khỏe về vệ sinh răng miệng tại các cơ sở y tế, trường mầm non. Cung cấp tài liệu hướng dẫn rõ ràng: thời điểm đánh răng, định mức fluoride, thời điểm khám răng đầu tiên

**Từ khóa:** Kiến thức, thái độ, thực hành, chăm sóc răng miệng, trẻ em.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng sức khỏe răng miệng của trẻ lứa tuổi mẫu giáo phụ thuộc nhiều vào người chăm sóc. Nghiên cứu của Dikshit và cộng sự (2018) trên 168 cặp cha mẹ - con cái cho thấy cha mẹ có điểm số về thái độ và thực hành không đạt thì con có mức độ sâu răng cao hơn so với những cặp cha mẹ-con cái còn lại [1]. Nghiên cứu khác do Salaman và cộng sự (2021) tiến hành trên 392 học sinh và phụ huynh tại Ai Cập cho thấy, tỷ lệ trẻ bị sâu răng ở nhóm có cha mẹ có kiến thức và thực hành kém cao hơn so với nhóm có cha mẹ có kiến thức và thực hành tốt [2]. Tại Việt Nam, nghiên cứu của Lê Quang Vương và Đào Xuân Vinh (2021) nghiên cứu trên học sinh và phụ huynh cho thấy, kiến thức và thực hành phòng chống bệnh sâu răng của mẹ có liên quan tới bệnh sâu răng của trẻ. Cụ thể, người mẹ có kiến thức không đạt thì con có khả năng sâu răng cao gấp 7,9 lần so với những người mẹ có kiến thức đạt [3]. Do đó, hiểu biết về kiến thức, thái độ và thực hành của cha mẹ và những người chăm sóc đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các chương trình can thiệp hướng tới việc điều chỉnh hành vi và khuyến khích nâng cao sức khỏe [4], [5], [6]. Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành của bà mẹ về chăm sóc sức khỏe răng miệng ở trẻ lứa tuổi tiền học đường đến khám tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2025.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Cha mẹ của trẻ (người trực tiếp chăm sóc trẻ hàng ngày trong gia đình) lứa tuổi tiền học đường.

### \* Tiêu chuẩn chọn đối tượng nghiên cứu

- Toàn bộ trẻ trong độ tuổi nghiên cứu được mời đến khám sàng lọc.

- Bố mẹ trẻ hoặc người chăm sóc trẻ đồng ý để được khám và tham gia vào nghiên cứu.

### \* Tiêu chuẩn loại trừ

- Bà mẹ/ người chăm sóc chính không biết đọc, viết tiếng Việt phổ thông.

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

#### 2.2.1. Thời gian nghiên cứu

- Từ tháng 3/2025 đến tháng 9/2025.

#### 2.2.2. Địa điểm nghiên cứu

Phòng khám Nhi yêu cầu, phòng tiêm chủng, phòng khám tại Trung tâm Nhi khoa tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

### 2.3. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

### 2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho việc ước lượng một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu.

$\alpha$ : mức ý nghĩa thống kê. Chọn  $\alpha = 5\%$  nên giá trị  $Z_{1-\alpha/2}$  tương ứng là 1,96.

\*Tác giả liên hệ

Email: doanthihue@tnmc.edu.vn Điện thoại: (+84) 916077450 DOI: 10.52163/yhc.v67i4.4928

$Z^2_{1-\alpha/2}$ : Hệ số giới hạn tin cậy, với mức tin cậy 95%,  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ .

d: độ chính xác mong muốn, chọn  $d = 0,04$ .

$p=0,90$  (tỷ lệ phụ huynh có kiến thức về vai trò của Fluor trong kem đánh răng theo tác giả Khongiong) [6].

$n= 216$ . Vậy cỡ mẫu tối thiểu trong nghiên cứu là 216 bà mẹ trẻ tham gia.

- *Phương pháp chọn mẫu*: Chọn mẫu sử dụng bảng Kish Grid.

### 2.5. Nội dung nghiên cứu

- *Đặc điểm chung của trẻ*: Tuổi, giới tính, con thứ mấy trong gia đình, tuổi thai khi sinh, cân nặng lúc sinh, phương pháp sinh.

- *Đặc điểm chung của bà mẹ và gia đình*: Độ tuổi của bà mẹ, dân tộc, nghề nghiệp, trình độ văn hoá, khu vực sống, kinh tế hộ gia đình,...

- *Kiến thức của người chăm sóc về gia đình*: về chăm sóc sức khỏe răng miệng ở trẻ lứa tuổi tiền học đường.

- *Thái độ của người chăm sóc về gia đình*: về chăm sóc sức khỏe răng miệng ở trẻ lứa tuổi tiền học đường.

- *Thực hành của người chăm sóc về gia đình*: về chăm sóc sức khỏe răng miệng ở trẻ lứa tuổi tiền học đường.

### 2.6. Công cụ nghiên cứu và phương pháp thu thập số liệu

- *Công cụ nghiên cứu*:

- *Phương pháp thu thập số liệu*: Phỏng vấn bố mẹ trẻ hoặc người chăm sóc chính theo bộ câu hỏi nghiên cứu đã thiết kế sẵn.

### 2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu thu thập được nhập liệu và phân tích bằng phần mềm SPSS 23.0. Thống kê mô tả: số lượng và tỷ lệ phần trăm đối với các biến định tính.

### 2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng đề cương nghiên cứu và được sự phê duyệt của Hội đồng Đạo đức nghiên cứu Y sinh học trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên theo quyết định số: 222/ĐHYH-HĐĐĐ ngày 28/02/2025.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Thông tin chung của bà mẹ tham gia nghiên cứu (n = 216)**

Thông tin chung của bà mẹ		Số lượng (SL)	Tỷ lệ (%)
Tuổi của mẹ (năm)	≤ 25 tuổi	49	22,7
	26 - 35 tuổi	143	66,2
	>35 tuổi	24	11,1
Dân tộc mẹ	Kinh	162	75,0
	Khác	54	25,0
Nghề nghiệp	Cán bộ công nhân viên chức	100	46,3
	Nông dân/ buôn bán/ tự do/ nội trợ	116	53,7
Trình độ học vấn	Tiểu học	2	0,9
	Trung học cơ sở	17	7,9
	Trung học phổ thông	82	38,0
	Trường nghề/ trung cấp nghề/ Cao đẳng	38	17,6
	Đại học/ Sau đại học	77	35,6

#### Nhận xét:

Hầu hết bà mẹ nằm trong nhóm tuổi 26-35 tuổi chiếm 66,2%, dân tộc kinh chiếm 75,0%, mẹ làm nghề cán bộ

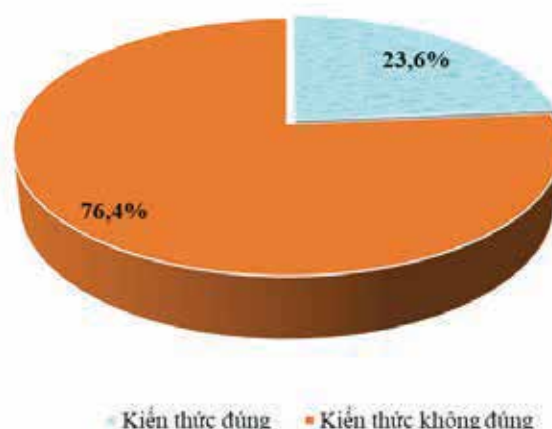
công nhân viên chức chiếm 46,3%, trình độ học vấn từ trường nghề/ trung cấp nghề/ Cao đẳng (17,6%) và đại học/sau đại học 35,6%.

**Bảng 2. Kiến thức đúng của bà mẹ về chăm sóc răng miệng ở trẻ (n = 216)**

Kiến thức của bà mẹ	Trả lời đúng	
	Số lượng (SL)	Tỷ lệ (%)
Chăm sóc răng sữa quan trọng	216	100
Răng sữa cần được chăm sóc	211	97,7
Dùng kem đánh răng theo lứa tuổi	211	97,7
Dùng bàn chải theo lứa tuổi	210	97,2
Súc miệng sau mỗi bữa ăn	197	91,2
Thức ăn cần hạn chế phòng sâu răng	174	80,6
Số lần chải răng/ ngày	168	77,8
Đọc thông tin trên hộp kem đánh răng	124	57,4
Số lượng răng sữa khi mọc đủ	124	57,4
Thời điểm đi khám răng định kỳ	118	54,6
Nguyên nhân sâu răng	111	51,4
Tuổi trung bình thay răng sữa	107	49,5
Thói quen ăn uống gây sâu răng	104	48,1
Thay bàn chải đánh răng định kỳ cho trẻ	101	46,8
Thời gian cho 1 lần chải răng	92	42,6
Sử dụng chỉ nha khoa	61	28,2
Các bước chải răng cho trẻ	41	19,0
Tuổi bắt đầu đánh răng	32	14,8

#### Nhận xét:

Tỷ lệ các bà mẹ đọc thông tin trên hộp kem đánh răng chỉ chiếm 57,4%, bà mẹ trả lời đúng về thói quen ăn uống gây sâu răng chiếm 48,1%, thay bàn chải đánh răng định kỳ cho trẻ đúng chiếm 46,8%, thời gian cho 1 lần chải răng đúng chiếm 42,6%, mô tả được các bước chải răng cho trẻ đúng chiếm 19,0%, trả lời đúng về tuổi bắt đầu đánh răng đúng chiếm 14,8%.



**Biểu đồ 1. Tổng điểm kiến thức đúng của bà mẹ về chăm sóc răng miệng (n=216)**

#### Nhận xét:

Tỷ lệ kiến thức đúng của bà mẹ về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 23,6%, kiến thức không đúng chiếm 76,4%.

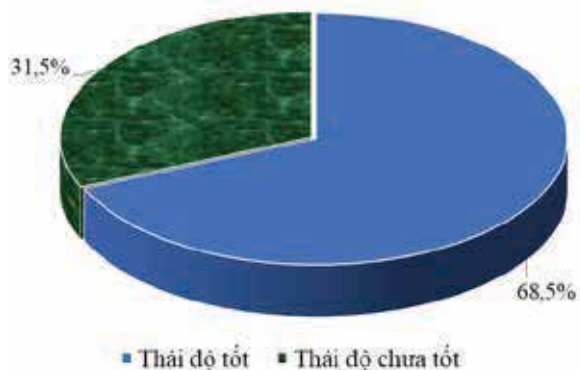
**Bảng 3. Thái độ của bà mẹ về chăm sóc răng miệng ở trẻ (n = 216)**

Thái độ của bà mẹ	Rất đồng ý/ Đồng ý	Trung lập	Không đồng ý/ rất không đồng ý
Chăm sóc răng miệng cho trẻ tốt nhất nên bắt đầu khi bắt đầu mọc răng rửa đầu tiên	208 (96,3)	4 (1,9)	4 (1,9)
Đưa trẻ đi khám răng thường xuyên là cần thiết	206 (95,4)	2 (0,9)	8 (3,7)
Đánh răng hàng ngày của trẻ nên được thực hiện bởi người lớn	197 (91,2)	4 (1,9)	15 (6,9)
Vệ sinh răng miệng sau mỗi bữa ăn là cần thiết	202 (93,5)	4 (1,9)	10 (4,6)
Răng sữa không cần chăm sóc cẩn thận vì nó sẽ được thay bằng răng vĩnh viễn	42 (19,4)	151 (69,9)	23 (10,6)
Răng sữa khỏe mạnh là rất cần thiết cho trẻ nhai thức ăn được tốt	195 (90,3)	2 (0,9)	19 (8,8)
Chăm sóc răng sữa là cần thiết	191 (88,4)	12 (5,6)	13 (6,0)
Lo lắng khi trẻ bị sâu răng sữa	186 (86,1)	10 (4,6)	20 (9,3)
Tin rằng răng sữa ảnh hưởng đến răng vĩnh viễn sau này	178 (82,4)	20 (9,3)	18 (8,3)
Vệ sinh răng miệng cho trẻ là cần thiết	209 (96,8)	7 (3,2)	0
Cần nhắc nhở con mình vệ sinh răng miệng	202 (93,5)	4 (1,9)	10 (4,6)
Cần nhắc nhở con súc miệng hoặc đánh răng sau khi ăn	201 (93,1)	4 (1,9)	11 (5,1)
Con chị nhận được sự chăm sóc răng miệng của chương trình là cần thiết	200 (92,6)	7 (3,2)	9 (4,2)
Nên định kỳ cho trẻ đi khám răng miệng	204 (94,4)	1 (0,5)	11 (5,1)
Cần dùng riêng bàn chải và cốc đánh răng cho trẻ	208 (96,3)	1 (0,5)	7 (3,2)

**Nhận xét:**

Hầu hết các bà mẹ đều đồng ý/ rất đồng ý về

Cần dùng riêng bàn chải và cốc đánh răng cho trẻ (96,3%), Vệ sinh răng miệng cho trẻ là cần thiết (96,8%), tin rằng răng sữa ảnh hưởng đến răng vĩnh viễn sau này (82,4%), chăm sóc răng sữa là cần thiết (88,4%).



**Biểu đồ 2. Tỷ lệ bà mẹ có thái độ tốt về chăm sóc răng miệng cho trẻ (n = 216)**

**Nhận xét:**

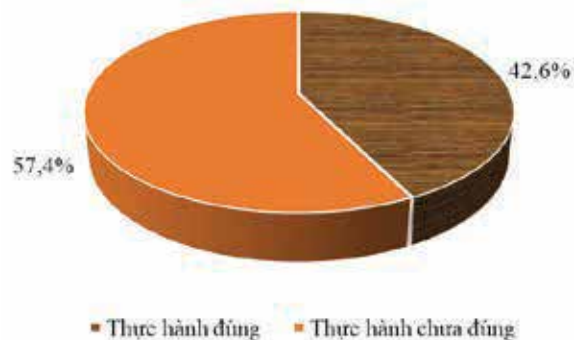
Tỷ lệ bà mẹ có thái độ tốt về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 68,5%, thái độ chưa tốt chiếm 31,5%.

**Bảng 4. Thực hành của bà mẹ về chăm sóc răng miệng ở trẻ (n = 216)**

Thực hành của bà mẹ	Số lượng (SL)	Tỷ lệ (%)
Số lần đánh răng/ ngày cho trẻ	1 lần	9 4,2
	2 lần	207 95,8
Định kỳ khám răng cho trẻ	3 tháng/ lần	31 14,4
	6 tháng/ lần	95 44,0
	01 năm/ lần	4 1,9
	Khi có vấn đề	86 39,8
Dùng kem đánh răng có flour	Có	101 46,8
	Không	115 53,2
Thời gian thay bàn chải	2 tháng/ lần	4 1,9
	3 tháng/ lần	94 43,5
	6 tháng/ lần	101 46,8
	≥ 9 tháng/ lần	17 7,9
Súc miệng bằng nước flour sau bữa ăn trưa ở trường học	Có	71 32,9
	Không	145 67,1
Dùng bàn chải riêng và cốc đánh răng riêng	Có	216 100
	Không	0 0

**Nhận xét:**

Tỷ lệ bà mẹ cho con đi khám răng định kỳ chiếm 44,0%, dùng kem đánh răng có flour chiếm 46,8%, thay bàn chải 3 tháng / lần chiếm 43,5%, súc miệng bằng nước flour sau bữa ăn trưa ở trường học chiếm 32,9%, dùng bàn chải riêng và cốc đánh răng riêng chiếm 100%.



**Biểu đồ 3. Tỷ lệ bà mẹ có thực hành đúng về chăm sóc răng miệng cho trẻ (n = 216)**

**Nhận xét:**

Tỷ lệ bà mẹ thực hành đúng về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 42,6%

**4. BÀN LUẬN**

Tỷ lệ kiến thức đúng của bà mẹ về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 23,6%. Đây là một tỉ lệ rất thấp, phản ánh một “khoảng trống kiến thức” đáng kể trong cộng đồng chăm sóc sức khỏe răng miệng trẻ em, đặt ra nguy cơ cao cho các rối loạn như sâu răng sớm, viêm nướu, và các biến chứng lâu dài khác. Kết quả của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Trần Lệ Thu và cộng sự (2022) ghi nhận có

75,5% người tham gia nghiên cứu có kiến thức về chăm sóc răng miệng cho trẻ ở mức độ trung bình; 13% mức độ tốt và 11,5% ở mức độ kém [7]. Tương tự nghiên cứu của Dagon và cộng sự (2019) khảo sát trên 285 bà mẹ có con từ 1-4 tuổi cho thấy chỉ 47% bà mẹ trả lời đúng  $\geq 7$  câu hỏi về kiến thức răng miệng [5]. Nghiên cứu của Mahmoud và cộng sự (2017) ghi nhận trên 309 người chăm sóc chính/ bà mẹ có kiến thức đúng chăm sóc răng miệng chiếm 58,2%, kiến thức chưa đúng chiếm 41,8% [4]. Nghiên cứu của Khongiong và cộng sự điều tra tại vùng ngoại ô Ấn Độ ghi nhận tỷ lệ bà mẹ có kiến thức trung bình chiếm 61,8% [6].

Kiến thức của người chăm sóc được xem là yếu tố nền tảng quyết định hành vi vệ sinh răng miệng, tiếp cận dịch vụ nha khoa, và thực hành chăm sóc. Do đó, tỉ lệ kiến thức đúng trong nghiên cứu của chúng tôi thấp cho thấy nhu cầu cấp thiết về can thiệp giáo dục sức khỏe, tăng cường truyền thông, và thiết lập chương trình can thiệp sớm.

Tỷ lệ bà mẹ có thái độ tốt về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 68,5%, thái độ chưa tốt chiếm 31,5%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu Mahmoud và cộng sự ghi nhận 99% bà mẹ thái độ tốt về chăm sóc răng miệng cho trẻ [4]. Mishra và cộng sự (2023) ghi nhận các bà mẹ ở nhóm A và nhóm B lần lượt 43,22% và 69,51% bà mẹ đồng ý rằng sức khỏe răng miệng ảnh hưởng đến sức khỏe tổng thể của trẻ, ngoài ra, 41,95% bà mẹ ở nhóm A và 59,76% bà mẹ ở nhóm B tin đúng rằng vi khuẩn gây bệnh răng miệng có thể lây truyền từ mẹ sang con qua tiếp xúc gần hoặc dùng chung dụng cụ ăn uống [8]. Sự khác biệt giữa các nghiên cứu có thể liên quan đến bối cảnh văn hóa – xã hội, trình độ học vấn của phụ huynh, khả năng tiếp cận dịch vụ nha khoa và mức độ truyền thông sức khỏe răng miệng tại từng khu vực.

Trong nghiên cứu của chúng tôi mặc dù tỷ lệ thái độ tích cực chiếm đa số, mức độ này vẫn cho thấy một khoảng cách nhất định giữa nhận thức, thái độ và hành vi thực tế trong chăm sóc răng miệng cho trẻ tiền học đường.

Tỷ lệ bà mẹ thực hành đúng về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 42,6%. Kết quả tương tự nghiên cứu của tác giả Trần Lệ Thu cũng ghi nhận tỷ lệ các bà mẹ thực hành chăm sóc răng miệng đúng chiếm 47,3% [7]. Nhưng kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Lê Thị Kiều Hạnh khảo sát trên 356 bà mẹ có con lứa tuổi tiền học đường ghi nhận chỉ có 11,5% bà mẹ có thực hành đúng về phòng bệnh sâu răng cho trẻ [9]. So sánh với nghiên cứu trên thế giới như của Mishra và cộng sự (2023) ghi nhận chỉ có 34,75% bà mẹ ở nhóm A (thành thị) và 51,83% bà mẹ ở nhóm B (nông thôn) bắt đầu vệ sinh răng miệng cho con ngay khi răng đầu tiên mọc, việc sử dụng núm vú giả nhúng nước ngọt cho trẻ phổ biến hơn ở các bà mẹ ở thành thị (48,17%) so với các bà mẹ ở nông thôn (28,8%) [8].

Trong nghiên cứu của chúng tôi thực hành đúng chỉ chiếm 42,6%, trong khi tỷ lệ thái độ tốt đạt 68,5% ở các bà mẹ. Điều này phản ánh sự không tương đồng giữa nhận thức - thái độ - thực hành, đồng thời cho thấy còn tồn tại nhiều rào cản khiến các bà mẹ chưa chuyển hóa thái độ tích cực thành hành vi chăm sóc đúng.

## 5. KẾT LUẬN

Hầu hết bà mẹ nằm trong nhóm tuổi 26-35 tuổi chiếm 66,2%, dân tộc kinh chiếm 75,0%, mẹ làm nghề cán bộ công nhân viên chức chiếm 46,3%, trình độ học vấn từ trường nghề/ trung cấp nghề/ Cao đẳng (17,6%) và đại học/

sau đại học 35,6%. Tỷ lệ kiến thức đúng của bà mẹ về chăm sóc răng miệng cho trẻ là 23,6%. Tỷ lệ bà mẹ có thái độ tốt về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 68,5%. Tỷ lệ bà mẹ thực hành đúng về chăm sóc răng miệng cho trẻ chiếm 42,6%.

## 6. KHUYẾN NGHỊ

Như vậy cần tăng cường giáo dục sức khỏe về vệ sinh răng miệng tại các cơ sở y tế, trường mầm non. Cung cấp tài liệu hướng dẫn rõ ràng: thời điểm đánh răng, định mức fluoride, thời điểm khám răng đầu tiên. Nâng cao vai trò của nhân viên y tế và giáo viên mầm non như nguồn thông tin đáng tin cậy. Thiết kế các chương trình can thiệp nhắm vào nhóm bà mẹ có kiến thức thấp.

## 7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dikshit P, Limbu S, Gupta S, Pradhan RJB. Evaluation of knowledge, attitude and practices of parents toward their children oral health compared with their dental caries status. *Birat Journal of Health Sciences*, 2018, 3(2): 447-52.
- [2] Salama A. A, Konsowa E.M, Alkalash S.H. Mothers' knowledge, attitude, and practice regarding their primary school children's oral hygiene. *Menoufia Medical Journal*, 2020, 33(1): 11 -19.
- [3] Lê Quang Vương, Đào Xuân Vinh. Thực trạng sâu răng và một số yếu tố liên quan từ phía các mẹ của học sinh trường tiểu học x., tỉnh Thanh Hóa, năm 2018. *Tạp chí y học quân sự*, 2021, 350: 32-34.
- [4] Mahmoud N, Kowash M, Hussein I, Hassan A, Al-Halabi M. Oral Health Knowledge, Attitude, and Practices of Sharjah Mothers of Preschool Children, United Arab Emirates. *Journal of International Society of Preventive and Community Dentistry*, 2017, 7(6): 308-314. Doi: 10.4103/jispcd.JISPCD\_310\_17.
- [5] Dagon N, Ratson T, Peretz B, Blumer S. Maternal Knowledge of Oral Health of Children Aged 1-4 Years. *J Clin Pediatr Dent*. 2019, 43(2): 116-120. doi: 10.17796/1053-4625-43.2.8. Epub 2019 Feb 7. PMID: 30730803.
- [6] Khongiong O, Tase N, Sinha N, Barman H, Singh S.V. A cross sectional mixed method study to assess knowledge, practices and barriers of caregivers regarding oral health care in children (2-6 years) in selected rural areas of Meghalaya. *International Journal of Research in Paediatric Nursing*, 2024, 6(2): 126-132.
- [7] Trần lệ Thu, Nguyễn Thị Tú Ngọc, & Nông Thị Phương Mai. Kiến thức và thực hành chăm sóc răng miệng cho trẻ dưới 2 tuổi của người chăm sóc tại bệnh viện trung ương thái nguyên năm 2022. *Tạp Chí Khoa học Và Công nghệ Y Dược*, 2023, 2(4): 141 -155. <https://tapchi.tump.edu.vn/index.php/home/article/view/103>.
- [8] Mishra, A., Sharma, D., Tripathi, G. M., & Khan, T. A. (2023). Rural-urban disparities in knowledge, attitude, and practice toward child oral health among mothers of 9-36-month-old children. *Journal of rural medicine: JRM*, 2023, 18(3): 175-181. <https://doi.org/10.2185/jrm.2022-043>
- [9] Lê Thị Kiều Hạnh. Kiến thức, thực hành chăm sóc răng miệng cho trẻ của bà mẹ có con học tại 2 trường mầm non thành phố Thái Bình năm 2019. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*, 2023, 160 (12V2): 300 - 308. <https://doi.org/10.52852/tcncyh.v160i12V2.1362>